

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH Y
TỈNH VINH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 129/2021/HS-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH Y, TỈNH VINH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Lê Bá Tạo và bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Tuấn- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vinh Y.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vinh Y tham gia phiên toà:
Bà Vũ Thị Tuyết Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Y, tỉnh Vinh Ph xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 133/2021/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 136/2021/HSST- QĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Đặng Quang T, sinh ngày 22/5/1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã Định Tr, thành phố Vinh Y, tỉnh Vinh Ph; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và bà Bùi Thị Đ; vợ : Phạm Thị Toàn, có 02 con: lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/HSST ngày 22/12/1998, Tòa án nhân dân thị xã Vinh Y (nay là thành phố Vinh Y), tỉnh Vinh Ph xử phạt Đặng Quang T 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. T chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2000. Về thi hành án dân sự, T đã thi hành xong vào tháng 5/2004 (đã được xóa án tích)

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/HSST ngày 01/4/2003, Tòa án nhân dân thị xã Vinh Y, tỉnh Vinh Ph xử phạt Đặng Quang T 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. T chấp hành án xong, ra trại ngày 29/12/2003. Về thi hành án dân sự, T đã thi hành xong vào tháng 5/2004 (đã được xóa án tích)

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/HSST ngày 31/7/2006, Tòa án nhân dân thị xã Vinh Y, tỉnh Vinh Ph xử phạt Đặng Quang T 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. T chấp hành án xong, ra trại ngày 22/6/2007. Về thi hành án dân sự, T đã thi hành xong vào tháng 01/2009 (đã được xóa án tích).

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/HSST ngày 14/8/2008, Tòa án nhân dân huyện Bình X, tỉnh Vinh Ph xử phạt Đặng Quang T 01 năm 03 tháng tù về

tội “Trộm cắp tài sản”. T chấp hành án xong, ra trại ngày 25/10/2009. Về thi hành án dân sự, T đã thi hành xong vào tháng 01/2009 (đã được xóa án tích).

- Ngày 27/3/2015, tại Quyết định số 03/QĐ- TA ngày 27/03/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Ph áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với Đặng Quang T, thời hạn 15 tháng. Đến ngày 09/9/2017, T chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Ph (có mặt).

2. Bùi Văn C- sinh ngày 15/7/1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 4, xã Sông L, thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Th; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang V và bà Nguyễn Thị L; vợ: Trần Thị L; có 02 con: lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 37/2007/HSST ngày 07/02/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Th xử phạt Bùi Văn C 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 27/7/2008, thi hành án dân sự nộp tháng 6/2007 (đã được xóa án tích).

- Tại Bản án số 128/2012/HSST ngày 18/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Tr, tỉnh Phú Th xử phạt Bùi Văn C 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 11/01/2014, thi hành án dân sự nộp tháng 8/2012 (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Ph (có mặt).

3. Trần Duy Q- sinh ngày 01/11/1988; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Sơn Cao, phường Đồng Đ, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Ph; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu K và bà Lê Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 31/QĐ- XPHC ngày 10/10/2013 của Công an thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Ph xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn Q về hành vi “Trộm cắp tài sản” hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000đ. Công an đã nhiều lần đôn đốc về việc chấp hành Quyết định xử phạt hành chính nhưng do Q là người tàn tật được hưởng trợ cấp xã hội, không có khả năng lao động. Đến ngày 07/6/2021 đã hết thời hiệu. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Duy Q (Q là đối tượng tàn tật): Bà Trần Thị Ng- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Ph (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ dân phố Sơn C, phường Đồng Đ, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Ph (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 07/6/2021, Bùi Văn C đang ở nhà thì nảy sinh ý định đi mua ma túy loại Heroine để sử dụng. C đi bộ ra khu vực đường Quốc lộ 2A rồi đi xe ô tô chở khách xuống thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Ph để tìm mua ma túy. Trên đường đi, C mượn điện thoại di động của một người nam giới (không biết họ tên, tuổi) là khách ngồi cùng trên chuyến xe để gọi cho Trần Duy Q là bạn nghiện ma túy quen biết ngoài xã hội. C rủ Q đi mua 02 gói ma túy Heroine để cả hai cùng sử dụng thì Q nói là không có tiền nên C hẹn Q đi đến khu vực Dốc L, phường Liên B, thành phố Vĩnh Y, C sẽ đưa tiền cho Q đi tìm mua ma túy về cả hai cùng sử dụng, Q đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe máy điện (không có biển kiểm soát) đi ra khu vực Dốc L để gặp C lấy tiền. Tại đây, C đưa cho Q số tiền 360.000đ để đi mua ma túy, Q nói xe máy điện của Q bị hỏng nên bảo C đưa thêm tiền để đi xe ôm, C đồng ý đưa thêm cho Q 20.000đ, Q góp thêm 10.000đ, tổng cộng được 390.000đ để đi mua ma túy. Sau đó, Q đến gặp ông Hoàng Văn S làm nghề lái xe ôm đang đứng chờ khách cách chỗ Q và C đứng nói chuyện khoảng mấy chục mét. Q thuê ông S chở đi theo sự chỉ dẫn của Q tới thôn V, xã Định Tr, thành phố Vĩnh Y, còn C đứng chờ ở khu vực Dốc L. Khi ông Sinh chở Q đến gần nhà Đặng Quang T thì Q bảo ông Sinh đứng đợi ngoài cổng còn Q đi vào bên trong nhà tìm gặp T và hỏi mua của T 02 gói ma túy Heroine với giá 360.000đ. Q đưa cho T 360.000đ, T cầm tiền rồi đưa cho Q 02 gói giấy nhỏ chứa ma túy Heroine. Sau đó, Q cầm 02 gói ma túy đi ra chỗ ông Sinh đang đứng đợi, bảo ông Sinh chở Q quay về khu vực Dốc L để gặp C. Khi về đến gần chỗ C đang đứng chờ, Q xuống xe thanh toán 30.000đ tiền thuê xe ôm cho ông Sinh. Sau đó, Q cầm 02 gói ma túy trong lòng bàn tay phải đi bộ đến gặp C, đúng lúc này thì bị phát hiện, lập biên bản sự việc. Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ tại lòng bàn tay phải của Q 02 gói giấy nhỏ bên trong đều chứa chất cục bột màu trắng (Q và C đều khai nhận đây là 02 gói ma túy Heroine mà Q vừa mua được của T với giá 360.000đ bằng tiền do C đưa, cất giấu với mục đích để Q và C sử dụng cho nhu cầu nghiện hút của bản thân) được niêm phong vào một phong bì thư kí hiệu A1; Tạm giữ của Q 01 xe máy điện màu đỏ- đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel (đều đã qua sử dụng).

Cùng ngày 07/6/2021, tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đặng Quang T. Kết quả khám xét thu giữ: Thu giữ trong túi quần phía trước bên phải chiếc quần của T đang mặc số tiền 360.000đ (T khai là tiền vừa bán ma túy cho Q mà có), 01 túi nilon bên trong có 04 viên nén màu đỏ, trên mặt mỗi viên nén có in chìm ký tự “WY” và 01 túi nilon bên trong chứa các hạt tinh thể dạng đá được niêm phong vào một phong bì thư kí hiệu B1; Thu giữ trên bề mặt bao tải đựng thóc ở vị trí góc nhà của T 01 túi nilon bên trong có 13 gói giấy nhỏ đều chứa chất cục, bột màu trắng được niêm phong vào một phong bì thư kí hiệu B2 (T khai nhận 04 viên nén màu đỏ, 01 túi nilon chứa các hạt tinh thể dạng đá đều là ma túy đá và 13 gói giấy chứa chất cục bột màu trắng là ma túy Heroine của T cất giấu để bán cho các đối tượng nghiện kiếm lời).

Tại Kết luận giám định số 757/KLGD ngày 05/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Ph kết luận:

“Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2516g (không phảy hai năm một sáu gam, không kể bao bì) loại Heroine.

Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trung cầu tại phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Ph, gồm: 0,1921 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói được niêm phong kín trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả”.

Tại Kết luận giám định số 1291/KLGĐ ngày 11/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Ph kết luận:

“1. 04 viên nén màu đỏ, trên các viên nén có in chìm ký tự “WY” có trong mẫu ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,3889g (Không phảy ba tám tám chín gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.

2. Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu B1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3059g (không phảy ba không năm chín gam, không kể bao bì) loại Methamphetamine.

3. Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu B2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,3675g (Một phảy ba sáu bảy năm gam, không kể bao bì) loại Heroine.

Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trung cầu tại phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Vĩnh Ph, Mẫu B2 gồm: 0,2516 gam mẫu tinh thể và 0,3226 gam viên nén WY, mẫu B2 gồm: 1,2915 gam mẫu chất bột, cục cùng toàn bộ bao gói được niêm phong kín trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả”.

Về nguồn gốc 01 gói ma túy Heroine mà Đặng Quang T bán cho Q, C và số ma túy thu giữ tại nơi ở của T khi khám xét khẩn cấp, quá trình điều tra T khai nhận: Chiều tối ngày 06/6/2021, T đi bộ từ nhà ra khu vực Cống V, phường Tích S thành phố Vĩnh Y gặp và mua được của một người phụ nữ (không biết họ tên, tuổi, địa chỉ) 15 gói ma túy Heroine với giá 160.000đ/1 gói; 01 gói ma túy Methamphetamine và 04 viên nén ma túy ngựa (Methamphetamine) với giá 620.000đ, tổng số tiền mua ma túy là 3.020.000đ. Nguồn gốc tiền mua ma túy do T đi làm thuê mà có. Sau đó, T đem về nhà cất giấu trong bao thóc để ở góc nhà. Mục đích T cất giấu ma túy để bán cho các đối tượng nghiện kiếm lời với giá 180.000đ/1 gói ma túy Heroine, 100.000đ/ 1 viên ma túy ngựa và 500.000đ/1 gói ma túy đá. Khi T đi mua số ma túy trên và đem về nhà cất giấu thì T không nói cho ai biết, không có ai tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng T. Ngày 07/6/2021 Q đến hỏi mua 02 gói ma túy Heroine thì chỉ có một mình T đang ở nhà và T đã lấy ma túy để bán cho Q.

Đối với số tiền 390.000đ, Bùi Văn C góp 380.000đ và Trần Duy Q góp 10.000đ sử dụng để mua ma túy ngày 07/6/2021, quá trình điều tra C và Q đều khai nguồn gốc số tiền trên là do Q và C lao động mà có.

Tại Cáo trạng số: 137/CT-VKSNDTPVY ngày 15/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Y đã truy tố bị cáo Đặng Quang T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị

cáo Bùi Văn C và Trần Duy Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Quang T, Bùi Văn C và Trần Duy Q đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đặng Quang T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Trần Duy Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 1,4836g ma túy cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong bao gói giấy “Mẫu trả” hoàn lại sau giám định và 0,5742g ma túy Methamphetamine được niêm phong trong bao gói giấy “Mẫu trả”.

Tịch thu để bán sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel thu giữ của Trần Duy Q.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 360.000đ thu giữ của Đặng Quang T do phạm tội mà có.

Trả lại cho bà Lê Thị T 01 xe máy điện màu đỏ- đen không có biển kiểm soát, không rõ nhãn hiệu.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Duy Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng gửi bản bào chữa với nội dung: Bị cáo Q có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp, bị tàn tật được hưởng trợ cấp xã hội, quá trình điều tra bị cáo luôn thành khẩn nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về gia đình và xã hội.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo Đặng Quang T, Bùi Văn C và Trần Duy Q tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu

thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 14 giờ 25 phút ngày 07/6/2021, tại khu vực Dốc L thuộc phường Liên B, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Ph, Bùi Văn C và Trần Duy Q có hành vi tàng trữ 02 gói nhỏ chứa chất chất cục, bột màu trắng. Giám định là chất ma túy Heroine có tổng khối lượng là 0,2516g để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Trần Duy Q khai nhận mua 02 gói ma túy trên của Đặng Quang T. Khám xét nơi ở khẩn cấp của Đặng Quang T thu giữ: 04 viên nén màu đỏ, giám định là ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,3889g; 01 gói nilon chứa các hạt tinh thể dạng đá giám định là ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,3059g và 13 gói giấy nhỏ chứa chất bột, cục bột màu trắng giám định là ma túy Heroine có khối lượng 1,3675g.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Quang T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

Hành vi của Bùi Văn C và Trần Duy Q đi mua ma túy để sử dụng đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, C phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Đặng Quang T phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù; bị cáo Bùi Văn C và Trần Duy Q phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 05 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Các bị cáo là người có nhân thân xấu: Bị cáo T đã 04 lần bị đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; 01 lần

bị đưa đi cơ sở giáo dục; bị cáo C 02 lần bị đưa ra xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo Q 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản. Mặc dù các Bản án xét xử đối với bị cáo T và C đều đã được xóa án tích, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thể hiện sự coi thường pháp luật. Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý. Hiện tại trên địa bàn thành phố Vĩnh Y các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định T hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã “Thành khẩn khai báo” nên các bị cáo đều được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù bị cáo T 04 lần bị đưa ra xét xử; bị cáo C 02 lần bị đưa ra xét xử nhưng đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều đã được xóa án tích nên không bị áp dụng T tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về đồng phạm: Mặc dù bị cáo C và bị cáo Q rủ nhau đi mua ma túy nhưng các bị cáo không có sự phân công câu kết với nhau nên đây là đồng phạm giản đơn. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có phân hóa vai trò của từng bị cáo để có đường lối xử lý tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo không có tài sản và nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm: Đối với người phụ nữ bán ma túy cho T nhưng T khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ đề cập xử lý sau là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với chị Phạm Thị T (là vợ T), quá trình điều tra xác định: Đặng Quang T và chị T sinh sống cùng 02 con tại ngôi nhà thuộc thôn V, xã Định Tr, thành phố Vĩnh Y. Tuy nhiên, việc T bán ma túy cho Trần Duy Q và cất giấu ma túy trong nhà để bán cho các đối tượng nghiện kiếm lời thì chị T không biết,

không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Do vậy, Công an thành phố Vĩnh Y không đề cập xử lý.

Đối với ông Hoàng Văn S đã chở Q đi mua ma túy nhưng ông S không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Q, C và T nên Công an thành phố Vĩnh Y không đề cập xử lý đối với ông Sinh là đúng pháp luật.

[7] Về vật chứng: Đối với số tiền 360.000đ thu giữ của Đặng Quang T do bán ma túy mà có. Do đó C tịch thu để sung ngân sách nhà nước.

Đối với 1,4836 gam ma túy Heroine cùng toàn bộ bao gói được niêm phong kín trong một bao gói giấy “Mẫu trả” hoàn lại sau giám định và 0,5742 gam ma túy Methamphetamine được niêm phong kín trong một bao gói giấy “Mẫu trả” hoàn lại sau giám định, C tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel đã cũ thu giữ của Trần Duy Q. Q sử dụng chiếc điện thoại trên liên lạc với C bàn bạc việc đi mua ma túy là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, C tịch thu để bán phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với chiếc xe máy điện màu đỏ- đen (không có biển kiểm soát, không rõ nhãn hiệu) tạm giữ của Trần Duy Q, quá trình điều tra xác định: Xe máy điện nêu trên là của bà Lê Thị T (là mẹ đẻ của Q). Bà T mua tại một cửa hàng mua bán xe máy điện cũ trên địa bàn thành phố Vĩnh Y (không nhớ tên cửa hàng, địa chỉ và thời gian mua xe) để làm phương tiện đi lại. Khi mua xe không viết giấy tờ và xe đã cũ hỏng. Ngày 07/6/2021, Q mượn xe nói là đi có việc, bà T không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Q. Công an thành phố Vĩnh Y đã tiến hành tra cứu thông tin chiếc xe máy điện nêu trên của bà T nhưng không tìm thấy dữ liệu tra cứu và xe máy điện trên không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Do vậy C trả lại xe máy trên cho bà Lê Thị T là chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Quang T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Bùi Văn C và Trần Duy Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đặng Quang T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 07/6/2021).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 07/6/2021).

Xử phạt bị cáo Trần Duy Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,1921 gam ma túy Heroine mẫu A1; 0,2516 gam mẫu tinh thể và 0,3226 gam viên nén mẫu B1; 1,2915 gam mẫu chất bột cục bột mẫu B2 và toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả” hoàn lại sau giám định.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 360.000đ đã thu giữ của Đặng Quang T.

Tịch thu để bán sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel thu giữ của Trần Duy Q.

Trả lại cho bà Lê Thị T 01 xe máy điện màu đỏ- đen không có biển kiểm soát, không rõ nhãn hiệu (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 22/9/2021).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đặng Quang T, Bùi Văn C và Trần Duy Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh P;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Y;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh P;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Công an thành phố Vĩnh Y;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh P;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Y;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền